

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Khai thác cát xây dựng sông Đà Rằng, thị trấn Phú Thứ,
huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên (nay là xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk)
của Công ty TNHH ĐT TMTH Tiên Phong**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày
11/12/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số
05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều
của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi
tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh
vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-
BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định
chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 01459/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh
về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc
thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác cát
xây dựng sông Đà Rằng, thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên (nay là
xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk) của Công ty TNHH ĐT TMTH Tiên Phong đã được
chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến kết luận của Hội đồng thẩm định họp ngày 24
tháng 12 năm 2025 (kèm theo Công văn số 02/CV-TP ngày 12/01/2026 của
Công ty TNHH ĐT TMTH Tiên Phong);*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình
số 34/TTr-SNNMT ngày 15/01/2026.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khai thác cát xây dựng sông Đà Rằng, thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên (nay là xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk)” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH ĐT TMTH Tiên Phong (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- TTCN và Công thông tin điện tử tỉnh;
- UBND xã Tây Hòa;
- Công ty TNHH ĐT TMTH Tiên Phong;
(Đ/c: 78 Trường Chinh, xã Hoài Ân, tỉnh Gia Lai)
- Lưu: VT, NNMT (Nhat-2b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ RẰNG, THỊ TRẤN PHÚ THỨ,
HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN
(NAY LÀ XÃ TÂY HÒA, TỈNH ĐẮK LẮK)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Khai thác cát xây dựng sông Đà Rằng, thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên (nay là xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk).
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH ĐT TMTTH Tiên Phong.
- Dự án Khai thác cát xây dựng sông Đà Rằng, thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên (nay là xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk) được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 02018/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025.

1.2. Quy mô, công suất

- Dự án thực hiện trên diện tích 10 ha (bao gồm Khu vực sàng cát tạm có diện tích 0,05 ha nằm trong diện tích của mỏ) tại xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk. Ranh giới khu vực khai thác được giới hạn bởi các điểm khép góc như sau:

Tên điểm góc	Tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục 108° 30', múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
1	1439487	578534
2	1439635	579021
3	1439871	578950
4	1439637	578492
Diện tích: 10 ha		

- Công suất khai thác là 50.000m³ nguyên khai/năm.
- Loại hình dự án: Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường.
- Thời gian khai thác: 7 năm.

1.3. Quy trình công nghệ khai thác và chế biến:

Công nghệ khai thác cát tại dự án là công nghệ khai thác mỏ lộ thiên, theo quy trình bốc, xúc trực tiếp lên xe, vận chuyển trực tiếp đến nơi tiêu thụ, trường hợp cát có lẫn tạp chất sẽ vận chuyển tới khu vực sàng để tách loại tạp chất đảm bảo đảm chất lượng cát thành phẩm, không sử dụng hình thức khai thác bằng thiết bị bơm hút.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

a) *Hạng mục công trình:* Thực hiện các hạng mục trong diện tích khai thác 10ha gồm: Moong khai thác; Đường nội bộ mỏ và bên ngoài mỏ; Khu vực sàng cát tạm; Nhà làm việc (nhà tạm), hệ thống giám sát.

b) *Hoạt động của Dự án:*

- Tập kết công nhân, phương tiện, thiết bị phục vụ thi công;
- San gạt tạo mặt bằng và thi công các hạng mục công trình: Lắp đặt nhà bảo vệ tạm, hệ thống giám sát; lắp đặt biển báo giao thông khu vực nguy hiểm,...;
- Hoạt động khai thác cát VLXD thông thường;
- Cải tạo phục hồi môi trường: San gạt tạo mặt bằng đáy moong khai thác, tháo dỡ các hạng mục công trình tạm (nhà bảo vệ, hệ thống giám sát,...) trả lại mặt bằng; tháo dỡ tuyến đường vận chuyển nội mỏ và bên ngoài mỏ,...

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Khu vực dự án không có khu bảo tồn thiên nhiên, khu vực ngập nước theo quy định của pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ đất ngập nước, bảo vệ các loài có trong sách đỏ đang sinh sống và di trú theo mùa. Không có các loại rừng theo quy định của pháp luật lâm nghiệp phải bảo vệ,... Vì vậy, Dự án không có các khu vực có yếu tố nhạy cảm môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Các hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn xây dựng các hạng mục công trình có khả năng tác động xấu đến môi trường: San gạt tạo mặt bằng khai thác; Lắp đặt nhà làm việc (nhà tạm), hệ thống giám sát; xây dựng tuyến đường nội mỏ và đường vận chuyển ngoài mỏ; hoạt động phương tiện thi công, vận chuyển và hoạt động sinh hoạt của công nhân sẽ phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn và nước thải sinh hoạt.

- Giai đoạn hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường:

+ Hoạt khai thác: Hoạt động đào và bốc xúc cát; hoạt động từ phương tiện vận chuyển và hoạt động sinh hoạt của công nhân tại mỏ sẽ phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn và nước thải sinh hoạt.

+ Hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường: Tháo dỡ nhà làm việc (nhà tạm), hệ thống giám sát; san gạt trả lại mặt bằng; hoạt động phương tiện thi công, vận chuyển và hoạt động sinh hoạt của công nhân sẽ phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn và nước thải sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng

+ Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân, phát sinh với lưu lượng khoảng 0,4 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là: BOD₅, COD, tổng N, tổng P, TSS, dầu mỡ động thực vật, Coliform....

+ Nước thải từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng phát sinh khoảng 2 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất lơ lửng, tổng dầu mỡ khoáng,...

+ Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án trong giai đoạn thi công xây dựng với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), đất, cát, lá cây....

- Giai đoạn vận hành và cải tạo, phục hồi môi trường:

+ Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên giai đoạn vận hành phát sinh với lưu lượng khoảng 0,8 m³/ngày, giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường phát sinh với lưu lượng 0,48m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅, COD, tổng N, tổng P, TSS, dầu mỡ động thực vật, Coliform....

+ Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án trong giai đoạn vận hành và giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), đất, cát, lá cây....

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ các hoạt động như thi công tuyến đường đất vận chuyển trong và ngoài mỏ, san gạt thảm thực bì, tạo mặt bằng khai thác; lắp đặt nhà tạm, thiết bị đo đạc và camera truyền thông tin,... Thành phần chủ yếu bụi tổng, CO, NO_x, SO₂. Quy mô và tính chất bụi và khí thải phát sinh có tính cục bộ, thời gian xảy ra ngắn, bụi nhỏ sẽ ảnh hưởng đến người dân xung quanh dọc tuyến đường, khu vực dự án.

- Giai đoạn vận hành và cải tạo, phục hồi môi trường: Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động đào bốc xúc cát, sàng cát (trường hợp cát lẫn tạp chất), vận

chuyển cát; hoạt động san ủi trả lại mặt bằng, hoạt động tháo dỡ và di dời các hạng mục công trình...Thành phần chủ yếu: Bụi tổng, CO, NOx, SO₂,... Quy mô và tính chất bụi và khí thải phát sinh có tính cục bộ, bụi hạt lớn sẽ lắng đọng, phát tán trong phạm vi khai thác, bụi nhỏ sẽ ảnh hưởng đến khu vực xung quanh dự án và dọc tuyến đường vận chuyển,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 2,5kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, vỏ hộp, giấy, nilon, chai lọ nhựa thải bỏ,...

- Giai đoạn vận hành và cải tạo, phục hồi môi trường: Hoạt động sinh hoạt của công nhân trong giai đoạn vận hành phát sinh khoảng 05kg/ngày; giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường phát sinh khoảng 3kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, vỏ hộp, giấy, nilon, chai lọ nhựa thải bỏ,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công, xây dựng: chủ yếu phát sinh chất thải là đất, đá, bao bì chứa,... Lượng phát sinh này hầu hết được tái sử dụng hoặc được phân loại và bán phế liệu.

- Giai đoạn vận hành và cải tạo, phục hồi môi trường:

+ Hoạt động sàng cát sẽ phát sinh 6,7 m³/ngày vật liệu hạt thô (Sỏi, sạn, đá cuội), 0,7 m³/ngày vật liệu loại bỏ (bùn sét vón cục, thực vật); giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường có phát sinh rác thải trong quá trình tháo dỡ các công trình xây dựng nhà tạm

+ Chất thải thực bì (chủ yếu là cỏ dại) trong giai đoạn khai thác phát sinh từ phát dọn bụi cỏ, với lượng phát sinh khoảng 8,6 tấn/năm.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Hoạt động vệ sinh, bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị xây dựng phát sinh chất thải nguy hại với thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, ắc quy thải, giẻ lau dính dầu,...

- Giai đoạn vận hành và cải tạo, phục hồi môi trường: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động vận hành dự án với thành phần chủ yếu gồm: dầu mỡ thải, ắc quy thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang....

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động phương tiện thi công, vận chuyển ra vào dự án, các thiết bị phục vụ giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành và cải tạo phục hồi môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.4. Các tác động khác

- Dự án làm gia tăng mật độ phương tiện giao thông, làm hư hỏng tuyến đường giao thông, gia tăng nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông,...

- Mất an toàn lao động có thể xảy ra nếu không tuân thủ các quy định về an toàn lao động theo quy định;

- Các hoạt động tác động đến lòng, bờ, bãi sông:

+ Hoạt động khai thác cát trong phạm vi mỏ có khả năng gây biến động đến địa hình đáy sông, tác động dòng chảy, gây nguy cơ xói lở bờ sông (mỏ cát cách chân kè Phú Thứ từ 210m - 345m), cầu Dinh Ông (cách dự án khoảng 1,7km), nếu không kiểm soát tốt độ sâu và ranh giới khai thác.

+ Khả năng thay đổi dòng chảy: trong quá trình khai thác nếu không đảm bảo về công suất, vị trí, độ sâu theo hồ sơ thiết kế và giấy phép khai thác được UBND tỉnh cấp phép sẽ làm thay đổi dòng chảy theo hướng tiêu cực và ảnh hưởng hai bên bờ sông; tự ý xây dựng các công trình phục vụ khai thác cát tại vị trí không phù hợp có thể làm biến đổi dòng chảy trong sông, gây xói lở bờ sông, cản trở dòng chảy trong sông.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- *Giai đoạn thi công, xây dựng*

+ Đối với nước thải sinh hoạt: Lắp đặt bể tự hoại 3 ngăn dạng đúc sẵn để thu gom; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định, không xả thải ra môi trường.

+ Đối với nước thải thi công: Hạn chế, tiết kiệm lượng nước trong quá trình vệ sinh dụng cụ, thiết bị và trộn bê tông; khai thông các rãnh nước để thoát tự nhiên ra môi trường, không gây ngập úng hoặc ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

+ Đối với nước mưa chảy tràn: Không để phế thải, cát xây dựng rơi vào rãnh thoát nước gây tắc nghẽn; thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông các tuyến mương, rãnh thoát nước mưa.

- *Giai đoạn vận hành và cải tạo, phục hồi môi trường:*

+ Đối với nước thải sinh hoạt: Sử dụng bể tự hoại 3 ngăn dạng đúc sẵn đã lắp đặt giai đoạn xây dựng để thu gom; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định, không xả thải ra môi trường.

+ Đối với nước mưa chảy tràn: Dự án khai thác cát nằm trên bãi bồi lòng sông nên nước mưa tự thấm hoặc chảy tràn, tập trung khai thông các rãnh theo điều kiện tự nhiên để thoát ra môi trường, không gây ngập úng hoặc ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

Chủ dự án chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng, vận hành và cải tạo phục hồi môi trường như:

- Tất cả các phương tiện vận chuyển phải tuân theo quy định của pháp luật về kiểm soát giới hạn phát thải cho phép đối với khí thải.

- Xe vận chuyển phải được phủ bạt kín lên thùng xe nhằm hạn chế bụi đất rơi vãi trên đường vận chuyển; phải tuân thủ chở đúng khối lượng, tốc độ, tải trọng của xe trong quá trình vận chuyển theo quy định.

- Thường xuyên tưới nước giảm bụi trên tuyến đường vận chuyển gần khu dân cư vào những ngày thời tiết nắng nóng tần suất tối thiểu 02 - 3 lần/ngày; thu gom chất thải rơi vãi, tưới nước và vệ sinh đường nếu để xảy ra tình trạng rơi vãi bùn đất cát trên đường vận chuyển. Vệ sinh các phương tiện ra, vào khu vực Dự án, hạn chế tối đa tình trạng bùn đất cát bám dính vào bánh xe, gây rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển gần khu vực dự án khi thời tiết có mưa, gió...

- Lắp đặt các biển báo giới hạn tốc độ và biển báo tuyến đường vận chuyển vào khu vực mỏ đất để chính quyền, người dân biết phòng tránh.

- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho công nhân làm việc tại khu vực khai thác mỏ để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi và khí thải tới sức khỏe.

- Thường xuyên phối hợp với địa phương duy tu, sửa chữa tuyến đường để vận chuyển (nếu hư hỏng) để người dân đi lại được thuận lợi.

Công trình thu gom và xử lý bụi, khí thải: Không có.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án; bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom, phân loại và chứa đựng trong thùng đựng rác; chất thải rắn tái chế bán cho đơn vị thu mua phế liệu, chất thải còn sẽ được đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển xử lý đúng quy định.

- Chất thải rắn thông thường: Đối với chất thải phát sinh từ phát dọn thực bì được thu gom và mang vào bờ để thu gom chung với chất thải rắn sinh hoạt;

thành phần tạp chất được loại bỏ từ quá trình sàng cát được tận dụng để duy tu tuyến đường công vụ; đối với chất thải từ hoạt động tháo dỡ nhà tạm, thiết bị đo đạc,... được thu gom tái sử dụng, phần còn lại sẽ được đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển xử lý đúng quy định.

- Biện pháp quản lý chất thải nguy hại: Được thu gom và lưu chứa tại thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Toàn bộ các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và các quy định khác liên quan

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chỉ sử dụng các loại phương tiện thi công đạt kiểm định về an toàn kỹ thuật và môi trường theo quy định.

- Bố trí thời gian vận chuyển phù hợp, hạn chế vận chuyển, lưu thông trong khu vực có dân cư vào các giờ cao điểm. Tuân thủ các quy định về an toàn giao thông, quy định về tốc độ di chuyển trong khu vực dân cư đông đúc.

- Không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công có gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện thi công, thay thế các bộ phận truyền động bị hư hỏng, lắp đặt và bảo trì các thiết bị để đảm bảo đạt tiêu chuẩn về độ ồn theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt.

4.3.2. Giai đoạn vận hành và cải tạo phục hồi môi trường

- Sử dụng các thiết bị thi công đã đăng kiểm trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

- Phổ biến và thực hiện nghiêm túc các quy định về nội quy an toàn lao động cho công nhân hoạt động khai thác biết, thực hiện.

- Cấm biển báo nguy hiểm tại những vị trí cần thiết để người và thiết bị ra vào công trường được an toàn. Phân công, tổ chức điều khiển phương tiện giao thông tại Dự án, lắp đặt biển cảnh báo công trường đang thi công; không vận chuyển nguyên vật liệu vào các khung giờ cao điểm; lắp đặt đèn cảnh báo, biển báo hiệu những khu vực nhảy cảm, khu vực giao nhau nhằm đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động tại công trường. Các phương tiện di chuyển sẽ chấp hành đúng những quy định của cơ quan quản lý địa phương.

- Bố trí hộp y tế dự phòng (thuốc cấp cứu, cứu thương) cho các công nhân lao động tại công trường trong trường hợp khẩn cấp.

- Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

b) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy, chữa cháy trong giai đoạn khai thác, cải tạo phục hồi môi trường của Dự án.

- Xây dựng phương án và thiết bị phòng cháy, chữa cháy. Hệ thống báo cháy được kiểm tra thường xuyên và trong tình trạng sẵn sàng hoạt động theo đúng quy định phòng cháy, chữa cháy.

- Trong quá trình hoạt động của Dự án, ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; thực hiện phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ đã được cơ quan chức năng chấp thuận theo quy định.

- Tuyên truyền cán bộ, công nhân viên làm việc tại mỏ hiểu biết, nắm bắt và thành thạo công tác phòng chống cháy, nổ và luôn ở trạng thái thường trực, sẵn sàng.

- Thực hiện đúng quy trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo thiết bị máy móc định kỳ trước khi đưa vào khai thác.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

Tháo dỡ, di dời các hạng mục công trình, thiết bị, thu gom và xử lý các loại chất thải theo đúng quy định; san gạt, tu sửa tuyến đường đáp ứng yêu cầu và hoàn thành các thủ tục đóng cửa mỏ theo quy định.

4.5. Phòng ngừa sự cố sạt lở, bồi lắng, bờ bãi bờ sông theo Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước:

- Tuân thủ quy định pháp luật về khoáng sản, các pháp luật khác có liên quan.
- Thực hiện đầy đủ các quy định tại khoản 2 Điều 60 và Điều 61 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên.
- Khai thác đảm bảo đúng phạm vi, diện tích, phương pháp khai thác, trình tự khai thác, độ sâu kết thúc khai thác, thời gian, khối lượng khai thác, công suất khai thác, thiết bị khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản của dự án đã được UBND tỉnh cấp phép và các quy định pháp luật khác có liên quan. Khai thác đến đâu san gạt sơ bộ đến đó, đảm bảo góc nghiêng bờ kết thúc khai thác là 32^0 nhằm không gây sạt lở cục bộ, sạt lở sau khi kết thúc khai thác.
- Các công trình xây dựng phục vụ dự án khai thác cát phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép trước khi thực hiện và phải đảm bảo khả năng thoát lũ của sông, không làm suy giảm khả năng thoát lũ; không gây bồi lắng, xói lở dòng sông, sạt lở bờ, bãi sông; không gây mất ổn định bờ, bãi sông, ảnh hưởng chất lượng nguồn nước sông, hệ sinh thái ven sông.
- Thường xuyên theo dõi diễn biến địa hình bờ sông để kịp thời xử lý nếu xảy ra sạt lở lòng, bờ, bãi sông và các công trình lân cận, phối hợp cùng với địa phương để khắc phục sự cố nếu xảy ra.
- Không khai thác ô ạt, tập trung khai thác sâu tại một khu vực vì sẽ tạo các vực xoáy cục bộ trong khu vực khai thác, gây sạt lở mất an toàn.
- Không khai thác vào những ngày mưa lớn, bão, dòng chảy lớn.
- Trường hợp đang khai thác mà có hiện tượng sạt lở bờ sông tại khu vực khai thác và khu vực xung quanh, thì phải tạm dừng việc khai thác, đồng thời báo cáo ngay cho chính quyền địa phương và Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh để chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động tới lòng, bờ, bãi sông, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.
- Tuyến đường vận chuyển: phối hợp với chính quyền địa phương để thống nhất tuyến đường vận chuyển, phạm vi ảnh hưởng và đền bù cây, cối, hoa màu của người dân.
- Để đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ và vào thời điểm kết thúc năm khai thác (theo giấy phép từ tháng 01 đến hết tháng 10), chủ dự án cần theo dõi chặt chẽ thông tin dự báo thời tiết, đặc biệt là các cảnh báo liên quan đến mưa lớn, lũ, và diễn biến dòng chảy sông Ba. Trước khi bước vào mùa mưa lũ, toàn bộ thiết bị, phương tiện và người lao động phải được di chuyển ra khỏi khu vực mỏ

nhằm tránh thiệt hại do ngập lụt hoặc sự cố sạt lở. Đồng thời, cần bố trí lực lượng túc trực thường xuyên tại hiện trường để kịp thời theo dõi tình hình, triển khai các biện pháp gia cố, bảo vệ bờ moong, bãi bồi, và hạn chế tối đa nguy cơ ảnh hưởng đến các công trình lân cận cũng như an toàn khu dân cư xung quanh.

5. Phương án cải tạo phục hồi môi trường

5.1. Giải pháp cải tạo phục hồi môi trường:

- Khu vực khai thác: San gạt phục hồi địa hình mỏ với khối lượng 3.000 m³.
- Tháo dỡ, san gạt tuyến đường vận chuyển nội mỏ và bên ngoài mỏ, với tổng khối lượng 29766,8 m³.
- Các hạng mục công trình tạm: Tháo dỡ nhà bảo vệ tạm; tháo dỡ thiết bị đo đạc, camera truyền thông tin và các hạng mục khác có liên quan đến thu gom và xử lý các loại chất thải theo đúng quy định.
- Lắp đặt biển báo nguy hiểm, an toàn giao thông: 02 biển báo.
- Đo vẽ bản đồ và hoàn tất thủ tục đóng cửa mỏ, bàn giao lại cho địa phương quản lý theo quy định.

5.2. Dự toán kinh phí cải tạo phục hồi môi trường

- Tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án: 3.680.978.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, sáu trăm tám mươi triệu, chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng).
- Số lần ký quỹ: 7 lần.
- + Lần đầu (lần 01), số tiền ký quỹ: 920.244.500 đồng (Bằng chữ: Chín trăm hai mươi triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm đồng).
- + Số tiền ký quỹ các năm còn lại: 460.122.250 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi đồng). Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá, Chủ dự án phải tính thêm yếu tố trượt giá cho các lần ký quỹ theo đúng quy định.
- Thời điểm ký quỹ: Thực hiện ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ; việc ký quỹ các năm còn lại (lần thứ 2 trở đi) phải thực hiện trước ngày 31/01 của năm ký quỹ.
- Đơn vị nhận tiền ký quỹ: Quỹ bảo vệ, phát triển rừng và môi trường Đắk Lắk.

6. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án đầu tư

Chủ Dự án đề xuất và cam kết thực hiện Chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

6.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- a) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải.

- Thông số giám sát: Thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý.

b) Giám sát sạt lở

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Thông số giám sát: Sạt lở.

6.2. Giai đoạn vận hành khai thác

a) Giám sát chất lượng không khí

- Vị trí giám sát: 02 điểm (khu vực dân cư phía nam dự án; khu vực sàng cát tạm).

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung, tổng bụi lơ lửng, SO₂, NO₂, CO.

- Tần suất: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải.

- Thông số giám sát: Thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý.

c) Giám sát mức độ bồi tụ, xói lở khu vực dự án

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Thông số giám sát: Diễn biến dòng chảy, xói lở, bồi tụ khu vực dự án và khu vực xung quanh.

- Lập bản đồ đáy sông tại khu vực khai thác và khu vực xung quanh 06 tháng/lần.

d) Giám sát cao độ khai thác

- Tần suất giám sát: Khi kết thúc các tầng khai thác.

- Thông số giám sát: Cao độ khai thác.

6.3. Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

a) Giám sát quá trình cải tạo, phục hồi môi trường

- Tần suất giám sát: Theo tiến độ công việc.

- Thông số giám sát: Mức độ tuân thủ theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường; Hoạt động đổ thải trong quá trình phục hồi môi trường.

b) Giám sát sạt lở, diễn biến dòng chảy, xói lở bờ sông và các công trình hạ tầng xung quanh

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Thông số giám sát: Diễn biến dòng chảy, xói lở bờ sông và các công trình hạ tầng xung quanh.

7. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện có liên quan đến môi trường với các nội dung sau:

7.1. Dự án chỉ được phép triển khai các nội dung, hạng mục công trình sau khi hoàn tất các thủ tục đất đai, môi trường, khoáng sản và các quy định khác có liên quan theo quy định của pháp luật. Thực hiện đúng, đầy đủ theo Quyết định số 02018/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (*cấp lần đầu*);

7.2. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác khai thác, đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng cơ bản và khai thác mỏ; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật hiện hành.

7.3. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, độ sâu, công suất, trữ lượng, thời gian ghi trong Giấy phép khai thác khoáng sản; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành đến an toàn trong khai thác mỏ theo QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

7.4. Thực hiện nghiêm theo quy định tại Điều 60, Điều 61 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; quy định tại Điều 115 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ Quy định về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; Kiểm soát chặt chẽ độ sâu khai thác; thường xuyên theo dõi giám sát hiện trạng và sự thay đổi dòng chảy, bồi lắng, xói lở khu vực khai thác và khu vực lân cận nhằm kịp thời phát hiện và xử lý những vấn đề phát sinh tại dự án theo quy định.

7.5. Trong suốt quá trình hoạt động của Dự án phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung và các loại khí thải, bụi đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường: QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

7.6. Tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn trong quá trình khai thác cát; tăng cường việc theo dõi, giám sát thường xuyên các khu vực khai trường;

7.7. Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại và sinh hoạt có phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan.

7.8. Thường xuyên theo dõi, giám sát các khu vực khai trường mỏ, thực hiện các biện pháp kỹ thuật và công trình để kiểm soát các nguồn thải nhằm bảo đảm không để xảy ra ô nhiễm môi trường, số liệu quan trắc phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra; khi phát hiện có dấu hiệu, khả năng xảy ra sự cố môi trường, sạt lở sông và hoa màu, đất đai của người dân, phải dừng ngay các hoạt động khai thác và khẩn trương xử lý, khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

7.9. Tuân thủ các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động môi trường, đảm bảo an toàn trong lao động và môi trường trong khu vực khai thác, các tuyến đường vận tải trong mỏ và ngoài mỏ nhằm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình khai thác mỏ và không làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước mặt sông, hệ sinh thái dưới nước trong suốt quá trình hoạt động của mỏ và sau khi đóng cửa mỏ; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm và các hoạt động có rủi ro cao khác nhất là trước, trong và sau khi kết thúc khai thác.

7.10. Lập và thực hiện kế hoạch, bổ sung phương án cụ thể, chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố thiên tai, bão lũ, sự cố môi trường hàng năm (*trượt lở, sạt lở, sạt lở khu vực khai thác, đường vận chuyển*) nhằm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình khai thác mỏ và môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động khai thác và sau khi kết thúc đóng cửa mỏ.

7.11. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương; tổ chức khai thác theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện nghiêm công tác bảo vệ môi trường, an toàn trong sản xuất; lập và thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường đối với các hoạt động vận tải, khai thác mỏ và phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác.

7.12. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, dự phòng khắc phục sự cố môi trường (*nếu có xảy ra*) như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, khoáng sản, giao thông, phòng chống lụt bão, rủi ro, sự cố; thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

7.13. Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường theo nội dung đã được phê duyệt.

7.14. Tháo dỡ các công trình tạm, vận chuyển các thiết bị máy móc ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công theo quy định, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

7.15. Chịu trách nhiệm về độ chính xác của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

7.16. Chủ dự án có trách nhiệm điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

7.17. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 36 Luật Bảo vệ môi trường 2020./.